

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST
Ngày: 28/10/2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Lệ Thi;
- Ông Huỳnh Mộc Khải.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Mai Hoàng U, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 1, đường 955A, ấp B, xã TE, thành phố X, tỉnh An Giang; (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988 địa chỉ: tổ 5, đường 955A, ấp B, xã TE, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 10 đường V, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

2. Bà Hồ Bạch Y, sinh năm 1962; nơi cư trú: tổ 05 đường 955A, ấp B, xã TE, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai Hoàng U trình bày: Vào ngày 25/11/2019 ông U và ông T có thỏa thuận mua bán tài sản là 600 cây trà lớn đã qua sử dụng, giá 11.000 đồng/cây, thành tiền 6.600.000 đồng và 30 cây lưới cước đã qua sử dụng, với giá 20.400.000 đồng; tổng số tiền mua bán là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Sau đó, ông Huỳnh Văn A (người làm thuê cho ông T) trực tiếp đến nhận 600 cây trà và 30 cây lưới cước và có làm biên nhận; khi này, ông A có thanh toán cho ông U số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, ông U yêu cầu ông T phải trả số nợ 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; không đồng ý với yêu cầu cam kết trả nợ thay của bà Hồ Bạch Y.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: biên nhận nợ ngày 25/11/2019, có chữ ký đề họ tên người nhận Huỳnh Văn A.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Huỳnh Văn A trình bày: Ông A là người làm thuê cho ông T, ngày 25/11/2019 ông T có thuê ông A lại nhà ông U chở khoảng 600 cây trà lớn và 30 cây lưới cước (đã qua sử dụng); việc thỏa thuận giá mua bán là do ông T và ông U bàn bạc với nhau nhưng khi lại nhà ông U chở cây, ông A có nghe ông U nói giá bán các cây trà và lưới là 27.000.000 đồng. Khi này, T có điện thoại cho ông hỏi tiền T đưa cho ông đi mua đồ có dư không, nếu có dư thì đưa tiền trả cho ông U, ông kiểm tra tiền còn dư 2.000.000 đồng nên đưa cho ông U và thống nhất ông T còn nợ lại ông U 25.000.000 đồng tiền cây trà, cây lưới; ông có ký biên nhận ngày 25/11/2019 cho ông U. Sau đó, ông chở các cây trà, lưới về cho ông T. Ông T sử dụng các cây trà và lưới để ven đê, không cho đất sặc lở xuống mé sông. Từ đó đến nay, ông T không thường xuyên sinh sống ở địa phương, ông T đi đâu, làm gì ông A không rõ nhưng ông A biết ông T chưa thanh toán số tiền 25.000.000 đồng cho ông U.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Hồ Bạch Y (mẹ ruột ông T) trình bày: Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã TE, thành phố X, tỉnh An Giang hiện đang làm thuê tại tỉnh Bình Dương, địa chỉ của T ở Bình Dương bà không biết, do tình hình dịch bệnh nên ông T chưa trở về được địa phương. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho ông T, bà có ký nhận thay và thông báo lại nội dung cho ông T biết việc ông U khởi kiện; bà có biết việc T mua cây và lưới của ông U và còn nợ lại số tiền 25.000.000 đồng. T nói làm thuê có tiền sẽ gửi về trả cho ông U nên bà đồng ý nhận trách nhiệm trả số tiền này thay T cho ông U, do hoàn cảnh kinh tế hiện khó khăn, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 78 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ôn Nguyễn Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông U có bán cho ông T 600 cây tràm lớn và 30 cây cước lưới (đã qua sử dụng) với số tiền 27.000.000 đồng do ông A là người làm thuê cho ông T trực tiếp nhận và trả 2.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng nên có làm biên nhận ngày 25/11/2019. Cho nên, ông U khởi kiện yêu cầu ông T trả số nợ còn lại 25.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu trả nợ của ông U phù hợp với biên nhận ngày 25/11/2019, lời khai của ông Huỳnh Văn A. Đồng thời, bà Y thừa nhận T còn nợ ông U số tiền 25.000.000 đồng, bà nhận trách nhiệm trả nợ cho ông U thay cho T và có yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T thông qua mẹ ruột của ông (bà Y) và bà Y cho biết đã thông báo lại nội dung khởi kiện của ông U cho ông T nhưng ông không tham gia suốt quá trình, không có phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông U xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, việc ông U khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 25.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả nợ thay và trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ của bà Y, không được ông U đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 433 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U; buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông U số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Mai Hoàng U khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc T trả nợ mua tài sản. Ông T đang cư trú trên địa bàn thành phố X nên yêu cầu khởi kiện của ông U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; người làm chứng ông Huỳnh Văn A, bà Hồ Bạch Y vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Y, ông A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Việc giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản:

Nguyên đơn ông Mai Hoàng U, người làm chứng ông Huỳnh Văn A, bà Hồ Bạch Y thống nhất khai, ông T có mua 600 cây trà lớn và 30 cây cước lưới (đã qua sử dụng) của ông U. Việc xác lập hợp đồng mua bán giữa ông U với ông T phù hợp với quy định tại các Điều 430, 433 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý.

Về việc thực hiện hợp đồng, ông U, ông A, bà Y thống nhất khai, trong quá trình mua bán, ông T còn nợ ông U tiền mua 600 cây trà lớn và 30 cây cước lưới 25.000.000 đồng từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Lời khai của ông U, ông A, bà Y là phù hợp với nhau và phù hợp với biên nhận ngày 25/11/2019. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T thông qua mẹ ruột của ông T (bà Y) và bà Y cho biết đã thông báo lại nội dung khởi kiện của ông U cho ông T nhưng ông T không tham gia suốt quá trình, không có phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông U nên xem như tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Cho nên, có căn cứ xác định ông T còn nợ ông U số tiền 25.000.000 đồng.

[4] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông U khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U; buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông U số tiền mua các cây trà và cước lưới 25.000.000 đồng.

Do ông U không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về phương thức thanh toán:

Bà Y (mẹ ruột của ông T) nhận trách nhiệm trả nợ thay và có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, trách nhiệm trả nợ thay và yêu cầu trả dần của bà Y không được phía nguyên đơn chấp nhận nên phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông U là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán với số tiền 1.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 430, 433 và 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng U.

Buộc ông Nguyễn Quốc T có trách nhiệm trả cho ông Mai Hoàng U số nợ mua bán 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Mai Hoàng U là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Mai Hoàng U có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung